

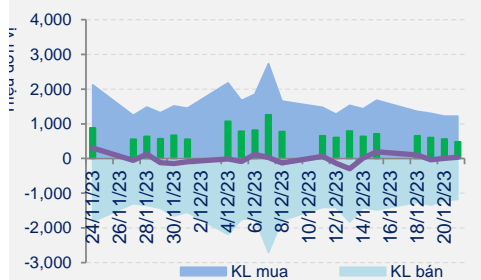
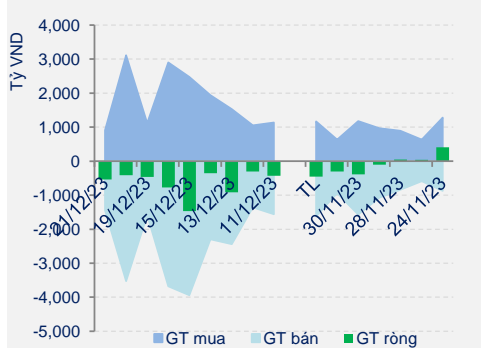
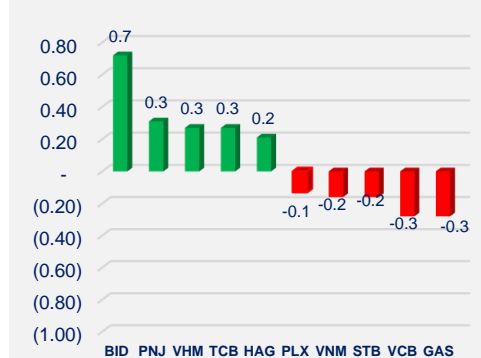
# MARKET LENS

21/12/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,102.43	228.48
% Thay đổi	↑ 0.15%	↑ 0.14%
KLGD (CP)	480,719,980	53,389,075
GTGD (tỷ đồng)	11,275.93	969.72
Tổng cung (CP)	1,178,180,309	102,482,000
Tổng cầu (CP)	1,216,159,716	91,974,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,320,336	1,055,474
KL mua (CP)	27,725,585	584,800
GT mua (tỷ đồng)	906.80	20.58
GT bán (tỷ đồng)	1,441.97	28.09
GT ròng (tỷ đồng)	(535.17)	(7.51)

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE

**Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX**


VN-INDEX tiếp tục có diễn biến kém sôi động trong phiên thị trường đáo hạn phái sinh kỳ hạn VN30F2312. Trong phiên sáng VN-INDEX điều chỉnh về quanh vùng giá 1.095 điểm, thanh khoản tiếp tục suy giảm sau đó phục hồi tốt hơn trong phiên chiều khi lực cầu tốt hơn, thanh khoản cải thiện với lực cầu giá lên gia tăng tốt nhiều mã khi giá tăng. Kết phiên VN-INDEX tăng 1,67 điểm (+0,15%) lên mức 1.102,43 điểm, duy trì kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục hướng đến vùng kháng cự tâm lý mạnh tương ứng đường giá trung bình MA200 phiên. HNX-INDEX tăng 0,31 điểm (+0,39%) lên mức 228,48 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiên về tiêu cực với 318 mã giảm giá (02 mã giảm sàn), 283 mã tăng giá (12 mã tăng trần) và 184 mã giữ giá tham chiếu.

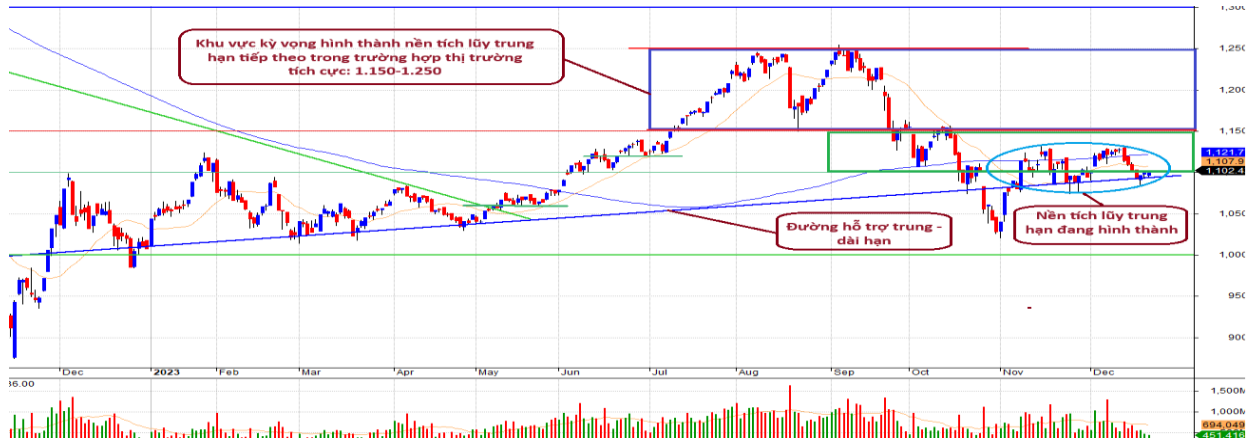
Thanh khoản trên hai sàn niêm yết tiếp tục suy giảm dưới mức trung bình khi chỉ đạt 12.241,54 tỉ đồng được giao dịch, giảm 14,52% so với phiên trước, trong đó giảm mạnh hơn trong VN30. Thể hiện dòng tiền ngắn hạn vẫn chưa cải thiện, thị trường phân hóa tốt trước áp lực bán ròng liên tiếp của khối ngoại, nhiều mã vốn hóa trung bình có diễn biến khá tích cực. Khối ngoại giảm mạnh mức độ giao dịch và vẫn gia tăng bán ròng với giá trị 535,17 tỉ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán, thép; bán ròng trên HNX với giá trị 7,51 tỷ đồng.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) vừa phát hành văn bản tới các công ty chứng khoán. Trong đó UBCKNN yêu cầu CTCK tuân thủ nghiêm quy định, không được thực hiện các hoạt động làm cho khách hàng/nhà đầu tư hiểu rằng CTCK có chức năng nhận tiền gửi như tổ chức tín dụng. Đồng thời, CTCK không được thỏa thuận/ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại (NHTM) có nội dung gây hiểu nhầm về tài khoản chuyên dụng của nhà đầu tư đứng tên CTCK tại NHTM. CTCK phải đảm bảo khả năng thanh toán, chi tiền, chi trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong mọi tình huống.

Mặc dù chịu áp lực bán ròng của khối ngoại nhưng thị trường vẫn phân hóa khá tích cực, nhiều mã nhóm mã chịu áp lực điều chỉnh thì thanh khoản giảm, trong khi nhiều mã có diễn biến tích cực vẫn thu hút lực cầu gia tăng, thanh khoản cải thiện tốt nổi bật như các mã nhóm sầm lốp, cao su với DRC (+6,85%), DRI (+5,63%), DPR (+0,68%).... Các mã nhóm nông nghiệp, thủy sản cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng trên mức trung bình như HAG (+6,80%), DBC (+2,92%), VHC (+2,37%), ANV (+1,65%)... xây lắp điện với PC1 (+2,34%), TV2 (+1,97%)... thanh khoản dưới mức trung bình..

Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến khá tích cực trong phiên chiều, góp phần cải thiện thanh khoản của thị trường, nhiều mã phục hồi tốt, thanh khoản cải thiện mạnh như HDG (+3,78%), HHS (+2,08%), DIG (+1,36%).... ngoài các mã điều chỉnh với NBB (-3,83%), NVL (-0,90%), VPH (-0,85)... Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng vẫn phân hóa, đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản dưới mức trung bình, bên cạnh những mã khá đột biến như PGB (+8,49%), NAB (+5,41%), VAB (+4,55%), BID (+1,21%)....

Trên thị trường phái sinh, thị trường đáo hạn kỳ hạn VN30F2312 và chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2401. VN30F2401 tăng 0,6 điểm (+0,05%) ở mức 1.098,4 điểm, chênh lệch dương 0,97% so với VN30. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 vẫn tích lũy kém tích cực dưới vùng kháng cự quanh 1.100 điểm, vùng hỗ trợ gần nhất 1.090 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 0,47 điểm đến -4,43 điểm, cho thấy các trader đang khá lạc quan ngắn hạn, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường tiếp tục hồi phục tích cực vào cuối phiên và đây là phiên thứ 3 liên tiếp hiện tượng này xảy ra cho thấy những nỗ lực của thị trường, đồng thời giúp VnIndex vẫn duy trì trên mốc hỗ trợ 1.100 điểm. Chốt phiên thị trường tăng +1,67 điểm (+0,15%) và đóng cửa ở 1.102,43 điểm. Trạng thái ngắn hạn của thị trường vẫn chưa có nhiều thay đổi và khu vực tích lũy ngắn hạn đang có xu hướng chuyển thành kênh tích lũy trung hạn trong vùng 1.100 điểm - 1.150 điểm. Chúng tôi vẫn kỳ vọng thị trường sẽ có nhịp tăng trở lại hướng tới vùng cản gần nhất quanh 1.130 điểm. Trong trung hạn khả năng cao Vn-Index sẽ tích lũy trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm như chúng tôi dự báo gần đây.

Thị trường tiếp tục duy trì trên mốc 1.100 điểm với thanh khoản suy giảm, đặc trưng thường thấy trong giai đoạn gần cuối năm dương lịch và khả năng tạo thành nhịp phục hồi kỹ thuật để hướng tới các mốc điểm cao hơn vẫn có thể xảy ra nhưng không rõ ràng. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân tiếp tục duy trì tỷ trọng thấp. Nhà đầu tư trung, dài hạn có thể giải ngân đối với những doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, dự báo tăng trưởng trong năm tới nhưng chỉ nên mua tích lũy dần bởi thời gian thị trường cũng cố và hình thành nền tảng tích lũy dự báo sẽ còn diễn ra trong thời gian dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

21/12/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BFC	24.35	21-22	26-27	18	10.8	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
PET	27.65	24.5-25.5	31-32	23	37.6	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	40.50	38-39.5	44-46	35	8.8	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	32.75	31-33	38-39	29	8.2	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.10	30.5-31.2	34-35	29	16.4	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.05	26-27	30-31	25	35.9	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
HCM	32.70	30-31	34-35	29	24.1	8.5%	29.7%	Theo dõi giải ngân
VSC	29.50	27-28.6	33-34	25	29.2	9.8%	-59.6%	Theo dõi giải ngân
TNH	20.40	20-21	26-27	19	10.6	42.7%	10.4%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tur (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.4	22.3	28-28.5	25	13.9%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	25.2	18.6	28-29	24	35.5%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.5	24.45	30-31	25.5	8.4%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.6	45.1	52-53	47	5.5%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.0	11.4	15-16	11	-3.9%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.1	30.2	34-35	29	3.0%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.1	27.55	30-31	26	1.8%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Thanh tra tài chính kiến nghị xử lý trên 107.000 tỷ đồng, tăng vọt so với cùng kỳ**

Năm 2023, Thanh tra Bộ Tài chính và các đơn vị thanh tra chuyên ngành thuộc bộ kiến nghị xử lý 107.014 tỷ đồng, tăng vọt so với cùng kỳ. Công tác thanh kiểm tra tập trung vào nhiều vấn đề nhức nhối liên quan đến phát hành, cung cấp dịch vụ về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ hay khiếu nại về bảo hiểm... Thông tin tại Hội nghị tổng kết công tác thanh tra tài chính năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024, Phó Chánh Thanh tra Bộ Tài chính Nguyễn Thanh Bình cho biết trong năm 2023, Thanh tra Bộ Tài chính chủ động phối hợp với các đơn vị xây dựng, hoàn thiện quy định về công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và khản trương tiến hành thanh tra theo kế hoạch được phê duyệt.

**Giá xăng vượt 22.000 đồng một lít**

Mỗi lít xăng tăng 680-740 đồng, các mặt hàng dầu cũng đắt thêm 290-530 đồng từ 16h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) tăng 740 đồng, lên đồng 22.140 đồng một lít; E5 RON 92 tăng 680 đồng, ở mức 21.190 đồng một lít. Dầu diesel và dầu hỏa cũng lần lượt có mức giá mới sau điều chỉnh, lần lượt 19.520 đồng và 20.490 đồng một lít. Như vậy, sau 5 lần giảm giá liên tiếp, nhiên liệu trong nước có kỳ tăng trở lại.

**Việt Nam xuất khẩu 5,6 tỷ USD rau quả**

Năm nay, xuất khẩu rau quả của Việt Nam ước đạt 5,6 tỷ USD, mức cao nhất từ trước tới nay, và vượt 40% kế hoạch đầu năm. Đây là kết quả sơ bộ vừa được Hiệp hội rau quả Việt Nam công bố. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu rau quả năm nay tăng 65,6% so với cùng kỳ năm ngoái - dẫn đầu nhóm nông sản, vượt các ngành chủ lực như gạo, hạt điều, cà phê, sắn. So với kế hoạch đề ra hồi đầu năm là 4 tỷ USD, kim ngạch trên đã tăng 40%. Hiện Trung Quốc là thị trường nhập nhiều rau quả Việt Nam nhất với tổng kim ngạch 11 tháng đạt 3,4 tỷ USD, tăng 148% so với cùng kỳ 2022 và chiếm 65,5% thị phần.

**UBCK yêu cầu CTCK tắt toán tiền huy động/hợp tác tiền gửi với nhà đầu tư trước ngày 30/06/2024**

Mới đây, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản về việc chấn chỉnh hoạt động của công ty chứng khoán sau khi thanh kiểm tra. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) yêu cầu các công ty chứng khoán (CTCK) không được thực hiện các hoạt động làm cho khách hàng/nhà đầu tư hiểu rằng CTCK có chức năng nhận tiền gửi và phải tắt toán toàn bộ các giao dịch đã phát sinh liên quan đến hoạt động này, chậm nhất trước ngày 30/06/2024.



**TIN DOANH NGHIỆP**

**Nam Việt (ANV) lên kế hoạch phát hành thêm hơn 133 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:1**

HĐQT CTCP Nam Việt (ANV – sàn HOSE) vừa thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành thêm 133,13 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 1:1, tức cổ đông sở 1 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Thời gian dự kiến phát hành trong vòng 45 ngày kể từ khi UBCK thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu phát hành của Công ty. Sau phát hành, Nam Việt sẽ tăng vốn điều lệ từ hơn 1.331 tỷ đồng lên gần 2.667 tỷ đồng. Hiện Công ty có 411.750 cổ phiếu quỹ.

**Hòa Phát (HPG) tăng giá thép bán lẻ lần thứ 3 trong tháng 12**

Tập đoàn Hòa Phát ngày 19/12/2023 thông báo đến các đại lý quyết định tăng giá bán do tình hình giá phôi thép, nguyên vật liệu đầu vào tăng. Cụ thể, giá thép cây tăng 100.000 đồng/tấn, thép cuộn xây dựng tăng 150.000 đồng/tấn từ ngày ra thông báo. Phạm vi áp dụng là thị trường miền Bắc. Đây là lần thứ 3 Hòa Phát - nhà sản xuất chiếm thị phần lớn nhất - tăng giá bán. Ngày 11/12, Hòa Phát đã điều chỉnh tăng giá sản phẩm so với mức hiện tại với thép cây các loại (từ D12 trở lên) lên 150.000 đồng/tấn, thép cây D10 tăng 250.000 đồng/tấn tại thị trường miền Bắc.

**PNJ lãi hơn 1,700 tỷ trong 11 tháng**

CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE: PNJ) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 11/2023, tăng trưởng mạnh ở cả hai chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Lũy kế 11 tháng, lãi sau thuế đạt 1,732 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. Tháng 11/2023, PNJ ghi nhận doanh thu thuần 3,111 tỷ đồng và lãi sau thuế 199 tỷ đồng, tăng lần lượt 23% và 31% so với cùng kỳ. Đây là mức lợi nhuận cao nhất của Doanh nghiệp trong 9 tháng gần nhất. Năm 2023, PNJ đặt mục tiêu doanh thu thuần gần 35,598 tỷ đồng và lãi sau thuế hơn 1,937 tỷ đồng, tăng lần lượt 5% và 7% so với cùng kỳ. Sau 11 tháng, Công ty thực hiện được gần 83% chỉ tiêu doanh thu và hơn 89% kế hoạch lợi nhuận năm.

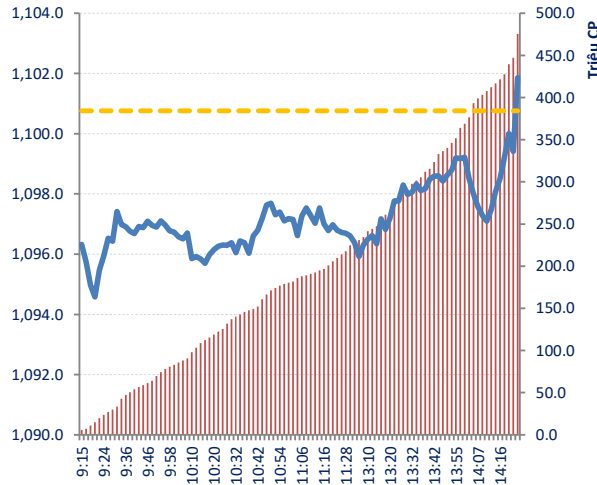
**Lợi nhuận giảm 65,8% trong năm 2023, Nhiệt điện Phả Lại (PPC) muốn dùng 601,1 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển trả cổ tức cho cổ đông**

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (mã PPC - sàn HOSE) công bố tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thời gian lấy ý kiến từ 20/12 đến 15h ngày 29/12/2023. Công ty Nhiệt điện Phả Lại ước tính lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 170,62 tỷ đồng, giảm 65,8% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 327 tỷ đồng (cùng kỳ lãi 497,2 tỷ đồng). Dựa trên lợi nhuận ước tính đạt 170,62 tỷ đồng trong năm 2023, Công ty Nhiệt điện Phả Lại trình cổ đông kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 2,75%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 275 đồng. Như vậy, ước tính Công ty sẽ phải trả tổng cộng 88,17 tỷ đồng trong lần tạm ứng này.

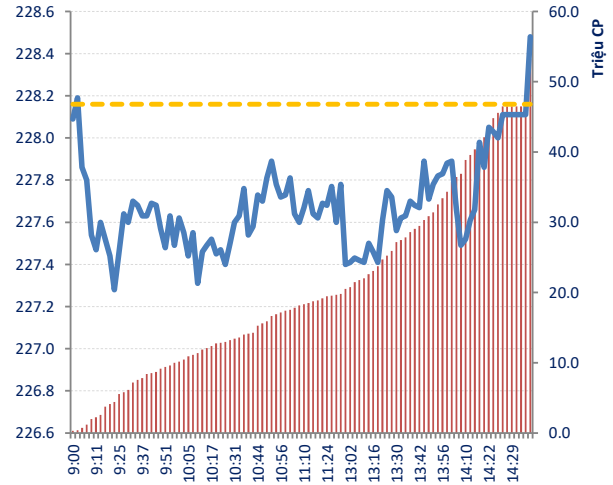


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

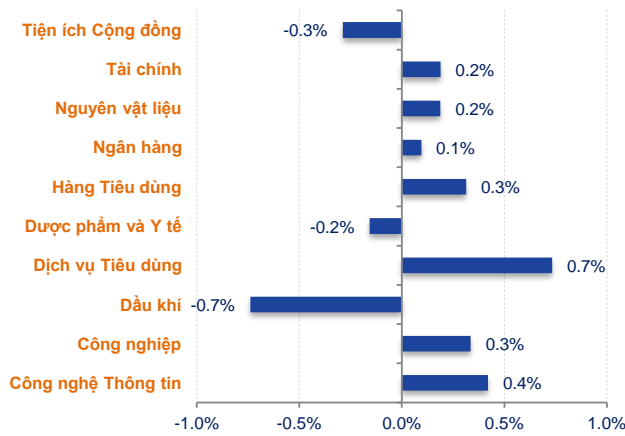
KLGD và VN-Index trong phiên



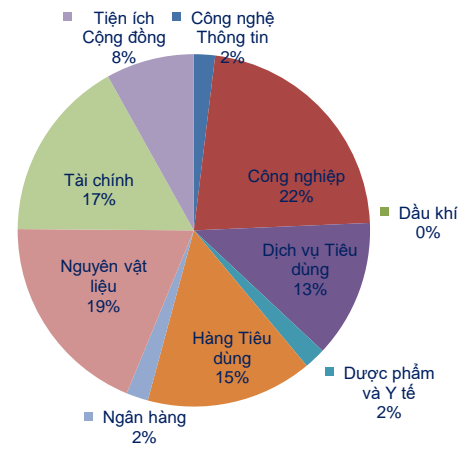
KLGD và HNX-Index trong phiên



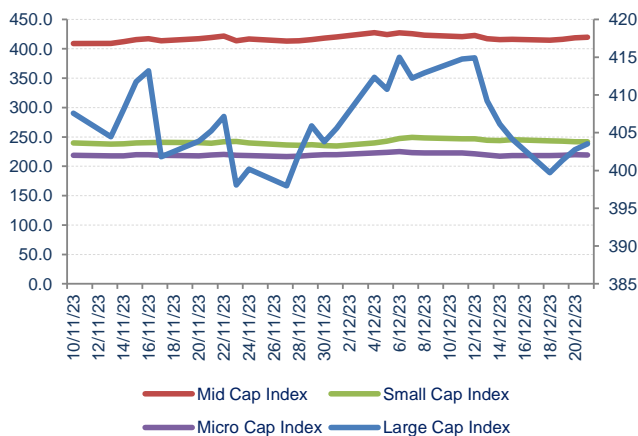
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



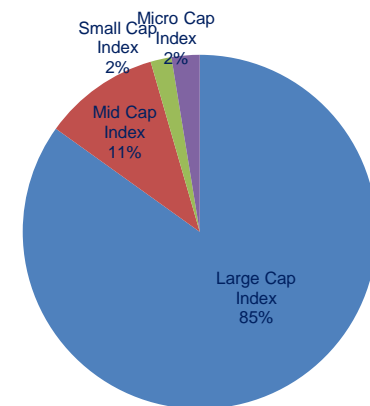
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ





## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	731,100	HPG	3,933,056	1	IDC	83,400	SHS	159,201
2	HDG	513,250	VND	2,074,444	2	MBS	31,660	TIG	144,600
3	HHV	471,600	STB	2,011,600	3	NDN	15,000	CEO	137,176
4	PVD	364,500	KBC	1,689,820	4	HUT	7,800	PVS	80,600
5	PC1	355,000	EIB	1,030,742	5	API	5,000	BVS	63,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	12.50	13.35	↑ 6.80%	25,704,800	SHS	18.80	18.80	→ 0.00%	9,396,663
EIB	18.45	18.30	↓ -0.81%	21,603,000	CEO	22.50	22.60	↑ 0.44%	5,772,479
VPB	18.25	18.20	↓ -0.27%	18,012,700	EVS	8.30	8.20	↓ -1.20%	3,626,210
DBC	25.70	26.45	↑ 2.92%	16,046,200	MST	5.60	5.60	→ 0.00%	3,120,983
HPG	27.20	27.20	→ 0.00%	15,202,400	TIG	11.80	12.10	↑ 2.54%	3,025,652

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPS	10.00	10.70	0.70	↑ 7.00%	L18	37.20	40.90	3.70	↑ 9.95%
BTT	29.00	31.00	2.00	↑ 6.90%	HTP	14.60	16.00	1.40	↑ 9.59%
COM	28.35	30.30	1.95	↑ 6.88%	SDG	13.90	15.20	1.30	↑ 9.35%
FDC	16.85	18.00	1.15	↑ 6.82%	X20	8.20	8.90	0.70	↑ 8.54%
DRC	24.20	25.85	1.65	↑ 6.82%	PGT	3.60	3.90	0.30	↑ 8.33%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTB	11.45	10.75	-0.70	↓ -6.11%	NTH	62.00	55.80	-6.20	↓ -10.00%
SRC	27.00	25.50	-1.50	↓ -5.56%	SAF	50.90	46.00	-4.90	↓ -9.63%
HRC	51.90	49.15	-2.75	↓ -5.30%	TTL	8.90	8.10	-0.80	↓ -8.99%
VAF	12.15	11.60	-0.55	↓ -4.53%	DTG	23.50	21.50	-2.00	↓ -8.51%
SRF	7.85	7.51	-0.34	↓ -4.33%	HAT	42.60	39.10	-3.50	↓ -8.22%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	25,704,800	18.6%	1,070	11.7	2.2
EIB	21,603,000	8.3%	1,013	18.2	1.5
VPB	18,012,700	9.7%	1,486	12.3	1.0
DBC	16,046,200	-1.3%	(250)	-	1.3
HPG	15,202,400	1.9%	322	84.5	1.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	9,396,663	5.4%	643	29.2	1.5
CEO	5,772,479	6.7%	955	23.6	1.8
EVS	3,626,210	5.9%	688	12.1	0.7
MST	3,120,983	7.8%	891	6.3	0.5
TIG	3,025,652	11.1%	1,470	8.0	0.9

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VPS	↑ 7.0%	4.6%	625	16.0	0.8
BTT	↑ 6.9%	12.6%	3,566	8.1	1.0
COM	↑ 6.9%	2.9%	880	32.2	1.0
FDC	↑ 6.8%	-44.5%	(5,135)	-	1.5
DRC	↑ 6.8%	12.7%	1,969	12.3	1.6

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	↑ 9.9%	5.5%	849	43.8	2.5
HTP	↑ 9.6%	0.1%	29	510.6	0.6
SDG	↑ 9.4%	1.3%	593	23.4	0.3
X20	↑ 8.5%	5.6%	839	9.8	0.6
PGT	↑ 8.3%	-14.2%	(416)	-	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	731,100	3.0%	476	89.1	2.7
HDG	513,250	9.7%	2,194	12.6	1.2
HHV	471,600	3.9%	993	15.4	0.7
PVD	364,500	3.0%	779	35.9	1.1
PC1	355,000	3.6%	814	34.1	1.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	83,400	17.0%	3,177	16.0	3.0
MBS	31,660	10.4%	1,104	20.8	2.1
NDN	15,000	18.7%	2,546	3.8	0.6
HUT	7,800	0.8%	122	159.4	1.5
API	5,000	2.9%	333	17.1	0.5

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	453,275	22.6%	6,013	13.5	2.8
BID	235,428	17.6%	3,450	12.0	2.0
VHM	173,957	25.0%	9,468	4.2	1.0
GAS	172,715	19.0%	5,283	14.2	2.8
VIC	164,953	2.7%	977	44.3	1.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,354	6.7%	1,846	20.8	1.4
HUT	17,315	0.8%	122	159.4	1.5
IDC	16,764	17.0%	3,177	16.0	3.0
SHS	15,287	5.4%	643	29.2	1.5
THD	13,513	2.9%	460	76.3	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.06	-0.2%	(32)	-	0.7
VPB	2.89	-2.0%	(218)	-	0.8
EVG	2.66	1.3%	155	36.2	0.5
DXS	2.65	-1.9%	(269)	-	0.5
VIX	2.52	8.2%	1,005	16.9	1.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

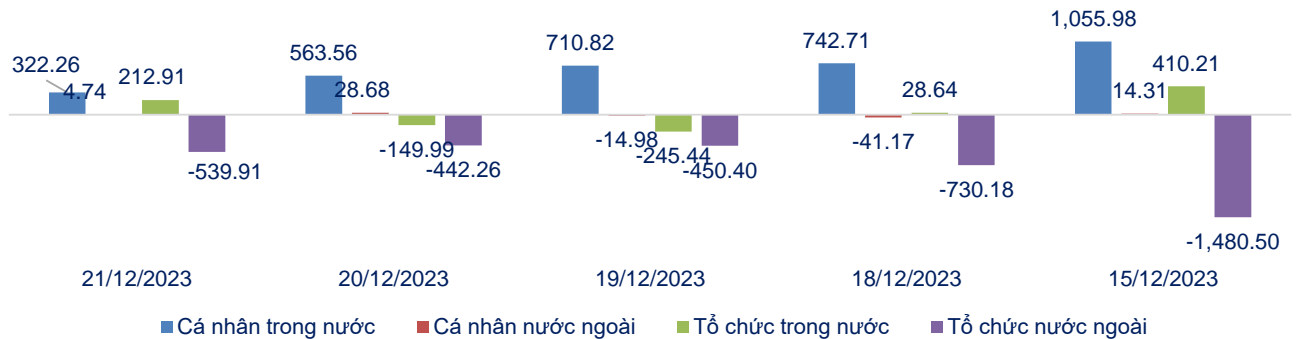
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.40	6.2%	608	24.2	1.4
C69	2.43	2.1%	256	27.7	0.6
VC2	2.37	2.2%	289	35.7	0.8
VIG	2.21	6.8%	501	15.4	1.1
IVS	2.10	3.4%	362	28.5	0.9





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	66.40	-14.0%	(3,851)	-	3.7
STB	58.62	17.5%	3,825	7.0	1.2
VCB	53.24	22.6%	6,013	13.5	2.8
VND	49.43	7.8%	957	22.9	1.7
KBC	47.61	7.6%	1,892	16.7	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	-89.58	3.8%	733	38.2	1.4
VPB	-47.48	9.7%	1,486	12.3	1.0
MWG	-38.52	3.0%	476	89.1	2.7
GEX	-18.10	2.0%	511	44.2	0.9
HDG	-17.43	9.7%	2,194	12.6	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	6.88	24.4%	4,029	16.9	4.2
SSI	5.01	8.9%	1,346	24.0	2.1
VND	2.70	7.8%	957	22.9	1.7
PDR	2.63	1.6%	199	132.8	2.1
GEX	1.83	2.0%	511	44.2	0.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-6.12	17.2%	2,471	5.1	0.8
VIX	-3.96	8.2%	1,005	16.9	1.3
TDM	-1.43	15.2%	3,139	13.2	1.9
PTB	-1.10	11.4%	4,657	12.4	1.4
VPB	-0.85	9.7%	1,486	12.3	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	89.58	3.8%	733	38.2	1.4
HPG	59.52	1.9%	322	84.5	1.6
VPB	46.24	9.7%	1,486	12.3	1.0
BCM	29.16	2.5%	432	142.1	3.5
VNM	24.57	24.4%	4,029	16.9	4.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	-68.43	-14.0%	(3,851)	-	3.7
PNJ	-31.90	19.8%	5,505	14.6	2.8
EVF	-18.92	9.0%	992	16.2	1.3
NVL	-18.17	-1.4%	(309)	-	0.7
GAS	-14.85	19.0%	5,283	14.2	2.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	31.04	3.0%	476	89.1	2.7
HDG	14.66	9.7%	2,194	12.6	1.2
FTS	12.20	14.4%	2,301	19.0	2.6
PVD	10.47	3.0%	779	35.9	1.1
PC1	10.03	3.6%	814	34.1	1.2

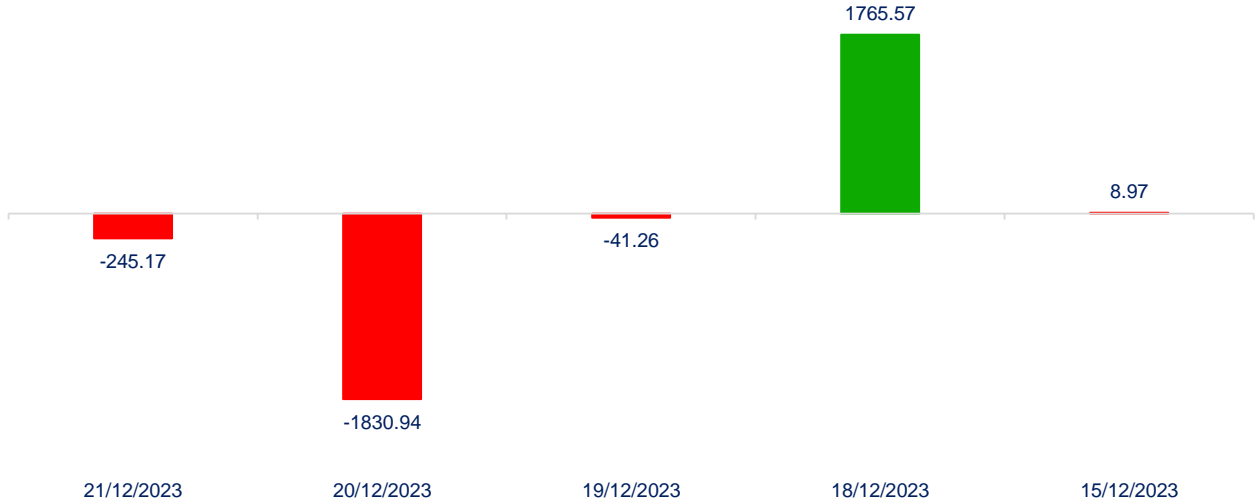
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-106.39	1.9%	322	84.5	1.6
STB	-53.67	17.5%	3,825	7.0	1.2
KBC	-52.49	7.6%	1,892	16.7	1.2
VCB	-50.90	22.6%	6,013	13.5	2.8
VND	-47.99	7.8%	957	22.9	1.7

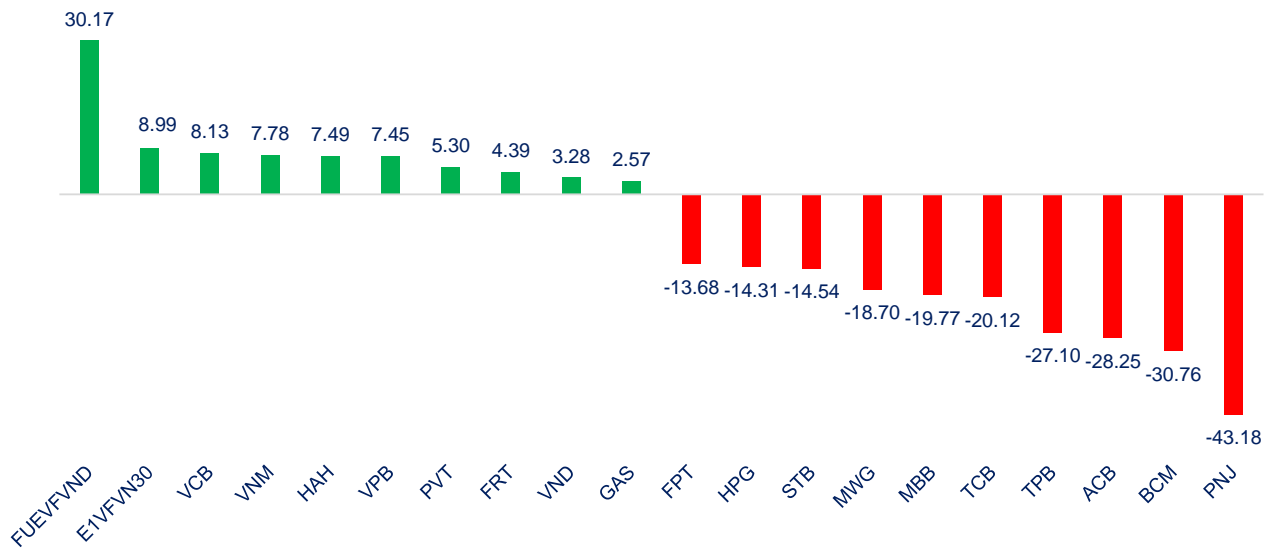


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)